



BÀI HỌC KINH NGHIỆM HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN GIÁO DỤC SONG NGỮ Ở LÀO CAI, GIA LAI VÀ TRÀ VINH

TS. DƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Xã hội hóa giáo dục - vận động toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục - trong quá trình xây dựng nền giáo dục hiện đại dưới sự quản lý của Nhà nước để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao mức hưởng thụ giáo dục của nhân dân đã trở thành một chủ trương lớn, lâu dài và nhất quán của Đảng và Nhà nước. Điều 12, Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, Luật Giáo dục (2005) ghi rõ: *"Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục. Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn"*, đây chính là cơ sở pháp lý để công tác xã hội hóa giáo dục đi vào cuộc sống. Với hai nội dung: xây dựng một xã hội học tập trong đó mọi người học tập thường xuyên, học tập suốt đời; vận động toàn xã hội tham gia đóng góp cho giáo dục, xã hội hóa giáo dục đã đem lại hiệu quả tích cực cho giáo dục và đào tạo, đặc biệt, xã hội hóa giáo dục đã tạo cơ hội phát triển vững chắc giáo dục các vùng dân tộc ít người và các vùng khó khăn, hướng tới giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền trong tương lai.

Từ góc nhìn xã hội hóa giáo dục, chúng tôi nhận thấy mô hình *Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ* (sau đây gọi tắt là GDSN) đã góp phần vào nâng cao chất lượng giáo dục ở ba tỉnh Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh - các địa phương tham gia thử nghiệm trong giai đoạn vừa qua. Kinh nghiệm trong việc huy động xã hội hóa từ sự tham gia của cộng đồng các dân tộc tham gia vào GDSN có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc cho sự nghiệp đổi mới giáo dục dân tộc trong hiện tại và tương lai.

2. Cộng đồng các dân tộc thiểu số và khả năng tham gia của cộng đồng vào giáo dục trẻ em dân tộc thiểu số

Cộng đồng chỉ một tập đoàn người rộng lớn, có những dấu hiệu, những đặc điểm xã hội chung về thành phần giai cấp, về nghề nghiệp, về địa điểm sinh tụ và cư trú. Cũng có những cộng đồng xã hội bao gồm cả một dòng họ, một sắc tộc, một dân tộc. Như vậy, cộng đồng xã hội bao gồm một loạt yếu tố xã hội chung mang tính phổ quát. Đó là những mặt cộng đồng về kinh tế, về địa lý, về ngôn ngữ, về văn hóa, về tín ngưỡng, về tâm lý, về lối sống. Những yếu tố này trong tính tổng thể của nó tạo nên tính ổn định và bền vững của một cộng đồng xã hội. Khẳng định tính thống nhất của một cộng đồng xã hội trên một quy mô lớn, cũng đồng thời phải thừa nhận tính đa dạng và nhiều màu sắc của các cộng đồng xã hội trên những quy mô nhỏ hơn (Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995).

Cộng đồng thiểu số là thành phần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trong tài liệu truyền thông của UNICEF về GDSN khái niệm cộng đồng thiểu số được hiểu bao gồm: những người dân, trẻ em, già làng, trưởng bản, những nhà trí thức dân tộc, cán bộ chính quyền xã, các tổ chức xã hội như hội phụ nữ, hội phụ huynh, đoàn thanh niên, các sư sãi trong nhà chùa,... Như vậy, đây là khái niệm gắn với cách hiểu về một cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia vào trong quá trình GDSN (Tài liệu truyền thông song ngữ).

Cộng đồng thiểu số có khả năng tham gia vào giáo dục trẻ em DTTS bằng những hình thức tích cực của xã hội hóa giáo dục ở địa phương như tuyên truyền, quảng bá lợi ích của giáo dục trẻ em trong độ tuổi đến trường ở địa bàn cư trú; vận động đưa trẻ đến trường; góp nhân, vật lực xây dựng môi trường học tập thân thiện tích cực; tổ chức hoặc tham gia vào các hoạt động giáo dục như: dã ngoại, ngoại khóa;... để nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo cơ hội học tập bình đẳng cho trẻ em.

3. Sự tham gia của cộng đồng các dân tộc ở Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh trong quá trình thực hiện giáo dục song ngữ

"Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ" (GDSN), là một trong những mô hình giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) thống nhất cam kết cùng nhau thực hiện để từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách phù hợp và bền vững cho giáo dục song ngữ ở Việt Nam sau này. Mục tiêu của nghiên cứu bao gồm: 1/ Thực hiện thành công một mô hình phù hợp và khả thi về giáo dục song ngữ với 3 ngôn ngữ dân tộc thiểu số (DTTS) là Mông, Jrai, Khmer và Tiếng Việt với quy mô nhỏ tại 3 tỉnh Lào Cai, Gia Lai và Trà Vinh; giúp trẻ em DTTS học tốt tiếng Việt, làm tiền đề giúp trẻ em DTTS tiếp cận giáo dục trong nhà trường thuận lợi; lồng ghép nghiên cứu thực hành vào tất cả các cấp độ của nghiên cứu; góp phần bảo tồn tiếng nói, chữ viết; phát huy bản sắc văn hoá các DTTS; 2/ Đóng góp cho sự phát triển các chính sách và cách thực hiện, hỗ trợ việc sử dụng và phát triển các ngôn ngữ DTTS với tư cách là công cụ giúp nâng cao việc tiếp cận, chất lượng và công bằng về giáo dục.

Được sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của UNICEF Việt Nam, sau 8 năm (2008-2015) thực hiện, GDSN đã thu được những thành công nhất định, chất lượng giáo dục dân tộc ở địa phương tham gia được nâng cao. Điều đó chứng tỏ GDSN là một giải pháp phù hợp và khả thi để phát triển giáo dục dân tộc. Góp phần không nhỏ vào thành công của giáo dục chính là sự chung sức tiến bộ mang tính đột phá của nhân dân nói chung và cộng đồng các dân tộc ở địa phương tham gia thử nghiệm nói riêng. Kết quả này cũng khẳng định sức mạnh của xã hội hóa giáo dục từ việc huy động sự tham gia cộng đồng các dân tộc trong phát triển bền vững giáo dục ở vùng DTTS.



Vai trò của cộng đồng các dân tộc trong GDSN là vô cùng quan trọng bởi thay đổi xã hội không thể có nếu những cộng đồng bị tác động không cho thay đổi là cần thiết. Quá trình GDSN không chỉ quan tâm đến sản phẩm cuối cùng là kết quả của học sinh sau thử nghiệm mà lớn hơn chính là đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu của nhân dân, đặc biệt là những cộng đồng thiểu số thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Qua tìm hiểu và đánh giá, chúng tôi nhận thấy, việc tham gia vào quá trình thực hiện GDSN của các cộng đồng thiểu số là một trong những thành tố quan trọng góp phần vào sự thành công của mô hình này.

Một trong những điểm khác biệt của GDSN so với chương trình quốc gia đó chính là: lấy trẻ em và cộng đồng làm trung tâm. Xuất phát từ những nhu cầu của cộng đồng mong muốn con em được thụ hưởng một nền giáo dục có chất lượng, hiệu quả, GDSN đã đòi hỏi sự tham gia tích cực của các thành viên cộng đồng DTTS có ngôn ngữ tham gia làm công cụ thử nghiệm bao gồm: trí thức người DTTS, các thầy cô giáo, cán bộ quản lý, ngành Giáo dục, các tổ chức trong nước và quốc tế. Sự tham gia tích cực của các tổ chức và các cá nhân nêu trên là điều kiện quan trọng đảm bảo cho tính bền vững và thành công của GDSN dựa trên tiếng mẹ đẻ ở Việt Nam. Đặc biệt, trong GDSN, vai trò của cộng đồng các dân tộc được cải thiện qua sự tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện GDSN từ giai đoạn thiết kế nghiên cứu đến giai đoạn triển khai.

Ở giai đoạn thiết kế, vai trò của cộng đồng được ghi nhận qua khảo sát thu thập ý kiến thể hiện trên bộ công cụ bao gồm các phiếu thông tin và trả lời câu hỏi phỏng vấn. Đối tượng khảo sát bao gồm: lãnh đạo cộng đồng, các tổ chức chính trị, xã hội, cư dân thiểu số ở ba tỉnh Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh. Nội dung khảo sát của các phiếu nhằm xác định rõ những đặc điểm về ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng thiểu số khi tham gia nghiên cứu, những mong đợi của họ trước khi mô hình được đưa vào thử nghiệm. Các kết quả khảo sát dựa trên bộ công cụ này sẽ giúp cho các chuyên gia khi lên kế hoạch phải suy xét rất kĩ về các khả năng xảy ra để xây dựng hành động cụ thể ứng với các bước của mô hình GDSN. Thông qua sự tham gia tích cực và có ý nghĩa của cộng đồng, GDSN tăng cường sự tiếp cận và kiểm soát của cộng đồng đối với nguồn tài nguyên ngôn ngữ của chính họ. Sau khảo sát, vai trò của các đoàn thể chính trị, xã hội (hội phụ nữ, hội phụ huynh, hội khuyến học...) lúc này được phát huy sức mạnh qua công tác truyền thông quảng bá lợi ích của GDSN cho trẻ em DTTS, vận động quần chúng nhân dân cho trẻ em tham gia thử nghiệm GDSN.

Ở giai đoạn triển khai nghiên cứu, cộng đồng tham gia đóng góp nhân lực và vật lực để chuẩn bị và cải thiện cơ sở vật chất và thiết bị đồ dùng học tập của nhà trường như xây dựng các góc học tập, thư viện song ngữ, sổ từ... Tham gia vào các hoạt động cụ thể như xây dựng tài liệu, tập huấn giáo viên, hỗ trợ giáo viên trong dạy học, kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường, kiểm tra giám sát quá trình học tập và kết quả cụ thể của con em... Trong giai đoạn này, xây dựng tài liệu song ngữ là một bước rất quan trọng, trí thức là người DTTS tham gia vào bước này với tư cách là tác giả biên soạn tài liệu sách giáo khoa và hướng dẫn giảng dạy. Trong các tài liệu, vị trí của họ cũng được xác định rất rõ ràng, đồng chủ biên với tác giả người Việt hoặc tác giả chịu trách nhiệm cho những phần cụ thể đã phân công. Trí thức DTTS tham gia vào toàn bộ tiến trình biên soạn tài liệu từ xây dựng kế hoạch, thiết kế ma trận, xây dựng ngữ liệu, viết tài

liệu theo phân công...; rà soát và thẩm định các nội dung về ngôn ngữ và văn hóa trong các tài liệu giảng dạy. Có thể nói, việc tham gia vào biên soạn và thẩm định tài liệu dạy học đã đào tạo và bồi dưỡng năng lực sư phạm cho các trí thức DTTS tham gia nghiên cứu, từ đó, vị trí của họ được nâng cao trong GDSN và ngoài xã hội. Với sự tham gia trực tiếp này, cộng đồng thiểu số được tăng quyền kiểm soát quản lý và tiếp cận một cách hợp pháp đối với nguồn tài nguyên tiếng mẹ đẻ của họ, có thể hỗ trợ GDSN ở một phương diện cụ thể với tư cách là đối tác tiềm năng. Bởi khi đã hiểu rõ mục đích, lợi ích của chương trình giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, các thành viên trong cộng đồng hoàn toàn có khả năng đóng góp cho chương trình giáo dục của con em họ đạt được chất lượng tốt nhất.

4. Những bài học kinh nghiệm từ việc huy động sự tham gia của cộng đồng thiểu số trong giáo dục song ngữ ở Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh

4.1. Bài học về truyền thông vận động sự tham gia của cộng đồng

GDSN thành công do nhiều yếu tố, trong đó công tác truyền thông quảng bá lợi ích và vận động phụ huynh cho trẻ em DTTS tham gia thử nghiệm góp phần không nhỏ. Truyền thông cung cấp thông tin cần thiết cho cộng đồng về GDSN, góp phần chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của đông đảo quần chúng nhân dân đối với công tác xã hội hóa giáo dục. Công tác truyền thông được triển khai đến từng thôn bản, gia đình thuộc cộng đồng thiểu số và bằng nhiều hình thức khác nhau. Mạng lưới truyền thông bao gồm: cán bộ giáo viên trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; hội phụ nữ, hệ thống phát thanh xã, thôn... Tài liệu truyền thông của GDSN dễ hiểu và gần gũi thân thiện với cộng đồng thiểu số, các câu chuyện trong tài liệu được lấy từ chính cộng đồng nên sức thuyết phục cao.

4.2. Bài học về tổ chức, hướng dẫn cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục

Tổ chức, hướng dẫn cộng đồng các dân tộc nâng cao nhận thức và tham gia trực tiếp vào xã hội hoá giáo dục trong mô hình GDSN là một hoạt động được quan tâm trong kế hoạch hành động. Để huy động sự tham gia tích cực nhất của cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, công tác tổ chức và hướng dẫn cộng đồng phải tuân thủ kế hoạch hành động tham gia dựa trên những suy xét và đánh giá về lợi ích có thể thu nhận được. Tổ chức, hướng dẫn cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục phải có định hướng về chiến lược và mục tiêu cụ thể; có sự phân cấp rõ ràng về vai trò và vị trí: lãnh đạo cộng đồng; các tổ chức chính trị; các tổ chức xã hội tham gia vào từng giai đoạn. Sau mỗi giai đoạn thực hiện GDSN, phải có đánh giá và rút kinh nghiệm về sự tham gia của cộng đồng để các bước tiếp theo sẽ tăng cường hơn nữa vai trò và vị trí của họ trong xã hội hóa GDSN.

4.3. Bài học về huy động sự đóng góp của cộng đồng

Huy động cộng đồng là quá trình huy động cá nhân và tập thể bằng nhiều giải pháp và cách thức khác nhau để thu hút các nguồn lực xã hội hỗ trợ cho phát triển giáo dục, đó chính là xã hội hóa giáo dục từ sức mạnh cộng đồng DTTS. GDSN đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng để thực hiện xã hội hóa giáo dục đạt kết quả cao nhất. Để tạo được bước đột phá trong việc huy động sự tham gia ủng hộ của cộng đồng với công tác xã hội hóa giáo dục, cần tăng cường tổ chức các hoạt động, các phong trào thi đua, các ngày lễ, ngày hội (ngày tiếng mẹ đẻ, ngày hội giao lưu giữa



các cộng đồng song ngữ...) có sự chứng kiến, tham gia trực tiếp của cộng đồng, tạo cơ hội để cộng đồng thể hiện sự quan tâm của mình đến sự nghiệp giáo dục của địa phương. Sự đóng góp của cộng đồng có thể đến ở nhiều phương diện: không chỉ huy động về tài chính, vật lực, mà có thể tập trung huy động nguồn nhân lực tham gia vào tất cả hoạt động giáo dục. Đa dạng hóa sự đóng góp của cộng đồng chính là sự tận dụng sức mạnh cộng đồng để hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao.

5. Kết luận

GDSN đã kết thúc với hai lứa học sinh thử nghiệm ở Lào Cai, Gia Lai và Trà Vinh với những kết quả khả quan như mong đợi của các bên liên quan trong cam kết thực hiện. Bài học kinh nghiệm về huy động sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong GDSN có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở vùng DTTS.

Từ bài học kinh nghiệm về huy động sự tham gia của và những đóng góp của cộng đồng DTTS với GDSN, chúng tôi có khuyến nghị như sau: 1/ Tăng cường hơn nữa công tác truyền truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng DTTS về đổi mới giáo dục và đổi mới giáo dục ở vùng DTTS và miền núi để cộng đồng các DTTS có cơ hội tham gia trực tiếp vào đổi mới giáo dục nhằm phát huy nội lực của chính họ; 2/ Sự tham gia vào đổi mới giáo dục của cộng đồng các dân tộc nên bao gồm cả nam giới và nữ giới, đại diện cho các DTTS ở vùng, miền khác nhau để đảm bảo tính công bằng và bình đẳng giới; 3/ Phát huy các nguồn lực vật chất, phi vật chất, tài chính từ cộng đồng để tăng cường xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa nguồn lực cộng đồng để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng DTTS; 4/ Xây dựng những chính sách giáo dục cụ thể để cộng đồng DTTS được tham gia và tiếp cận các cơ hội giáo dục trên cơ sở bình đẳng và

chất lượng cao, từ đó, định hướng cho phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở vùng DTTS trở nên bền vững trong các giai đoạn kế tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF Việt Nam, (2010), *Cẩm nang nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ*, Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF Việt Nam, (2008), *Tài liệu truyền thông song ngữ*, Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF Việt Nam, (2007), *Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [4]. Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/3/2013, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

SUMMARY

Socialization of education has brought positive effectiveness in education and training, created opportunities to sustainable education development in ethnic and disadvantaged areas, towards reducing disparities in regional educational development in the future. From viewpoint of educational socialization, the bilingual education model contributed to improving the educational quality in three provinces (Lao Cai, Gia Lai, Tra Vinh) – recently selected pilot areas. Experience in social mobilization which involved in ethnic communities in bilingual education has profound practical significance for the renewal of the present and future ethnic education.

Keywords: Ethnic communities; bilingual education; socialization.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH... (Tiếp theo trang 56)

lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

Từ kết quả phân tích dữ liệu, chúng ta có thể rút ra một số đánh giá như sau: Đối với quyết định lựa chọn ngành học, kết quả phân tích phương sai ANOVA ghi nhận sự khác biệt giữa nhóm học sinh theo ngành học và nghề nghiệp của người mẹ trong việc đánh giá mức độ quan trọng của ý kiến những người xung quanh và các đặc điểm nghề nghiệp. Kết quả so sánh các giá trị trung bình lựa chọn của SV cũng chỉ ra rằng, SV đánh giá các yếu tố đặc điểm nghề nghiệp trong tương lai và sự phù hợp của chuyên ngành với năng lực, sở thích của cá nhân là quan trọng trong quyết định lựa chọn ngành học. Những kết quả này là cơ sở quan trọng để thực hiện việc đánh giá khách quan vai trò của mỗi yếu tố đến quyết định lựa chọn ngành học của SV khoa Quốc tế nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Beggs, J.M., Bantham, J.H., & Taylor, F., (2008), *Distinguishing the factors influencing college students' choice of major*. College Student Journal, 42(2).
- [2]. Simons, K.A., Lowe, D.R. & Stout, D.E. , (2003), *Comprehensive literature review: Factors influencing choice of accounting as a major*. Proceedings of the 2003 Academy of Business Education Conference.
- [3]. Fortin, A., & Amernic, J. H, (1994), *A descriptive profile of intermediate accounting students*, Contemporary Accounting Research Special Education Research Issue,

21- 73.

- [4]. Adams, S. J., Pryor, L. J., & Adams, S. L, (1994), *Attraction and retention of high-aptitude students in accounting: An exploratory longitudinal study*, Issues in Accounting Education, 9, 45-58.
- [5]. Kang, C, (2004), *University prestige and poiche of major field: evidence from SouthKorea*, Manuscript prepared for presentation at the 2004 far Eastern meeting of the econometric society.
- [6]. Rocca, S.J., S.G. Washburn & E. Sprling, (2002), *Survey of factors influencing the matriculation decisions of college of agricultural and life sciences students*: University of Florida.

SUMMARY

Researching impact factors of students' major choices is an urgent issue in the context of higher education with changes. Making the right major decision is the basis of learning motivation and the development of sustainable careers in the future. This article focused on understanding these impact factors in International department -Vietnam National University, Hanoi; basing on personal characteristics and different families, and aiming at exploring the importance of these factors based on an students' assessment as well.

Keywords: Impact factors; decision; major choices; students.